

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tế Nông,  
huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;*

*Căn cứ Văn bản tham gia ý kiến nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh số 2105/SXD-QH ngày 31/3/2022 của Sở Xây dựng; Văn bản số 599/SNN&PTNT-KHTC ngày 23/02/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 953/SGTVT-KHTC ngày 04/3/2022 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa;*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 53/KTHT-QH ngày 15/4/2022 về quy hoạch chung xây dựng xã Trường Minh, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tế Nông, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

## **1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.**

a. *Tên đồ án:* Quy hoạch chung xây dựng xã Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

b) *Phạm vi danh giới lập quy hoạch*

Phạm vi không gian khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Tế Nông với tổng diện tích 1.246,02ha. Ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Hoàng Giang, Trung Chính, Hoàng Sơn;
- + Phía Nam giáp xã Minh Khôi;
- + Phía Đông giáp huyện Quảng Xương;
- + Phía Tây xã Tế Thắng, Minh Nghĩa.

## **2. Quan điểm, mục tiêu, tính chất lập quy hoạch**

a) *Mục tiêu:* Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể được các mục tiêu, yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 01/07/2020.

b) *Tính chất chức năng của xã:*

Quy hoạch xây dựng xã Tế Nông là quy hoạch xây dựng nông thôn; Tính chất chức năng chủ đạo của xã Là khu vực phát triển nhanh, bền vững theo hướng đa ngành, phát triển theo hướng công nghiệp xây dựng và nông nghiệp.

## **3. Dự báo phát triển và các chỉ tiêu kỹ thuật**

3.1. *Dự báo quy mô dân số và lao động*

+ Dân số hiện trạng đến tháng 12/2020: Khoảng 9.236 người.

(*Nguồn số liệu: Chi cục thống kê huyện Nông Cống năm 2020*).

+ Đến năm 2025 khoảng 9.817 người (trong đó, dân số trong độ tuổi lao động khoảng 5.890 người, chiếm 60% tổng dân số).

+ Đến năm 2030: khoảng 11.716 người (trong đó, dân số trong độ tuổi lao động khoảng 7.494 người, chiếm 64% tổng dân số).

3.2. *Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu*

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

\* Về sử dụng đất:

- Bình quân đất xây dựng:  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- Đất ở:  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- Đất cây xanh công cộng và dịch vụ:  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: 5-6  $\text{m}^2/\text{người}$ ;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 4-5  $\text{m}^2/\text{người}$ ).

*(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)*

**\* Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:**

- Cấp nước sinh hoạt:  $\geq 60$  lít/người/ngày-đêm;
- Cấp điện sinh hoạt:  $\geq 150$ W/người/ngày/đêm; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng  $\geq 50\%$ ;
- Nước thải sinh hoạt:  $\geq 80\%$  lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9 kg rác/người/ngày/đêm (*lấy theo chỉ tiêu đô thị loại V*).

**4. Phân khu chức năng**

**4.1. Khu trung tâm xã:**

Vị trí khu trung tâm xã nằm thôn Hợp Nhất bên đường tỉnh lộ từ Núi Chay đi cầu Tế Độ - Quảng Xương, hệ thống giao thông thuận lợi tới tất cả các thôn, tổ chức không gian đồng bộ.

**4.2. Khu dân cư tập trung:**

- Chinh trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng nông thôn mới nâng cao.

- Quy hoạch các khu dân cư mới tập trung gắn với phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

**4.3. Khu sản xuất tập trung:**

Vùng sản xuất nông nghiệp: Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao, trang trại tập trung; đưa các loại giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất.

- *Khu vực sản xuất kinh doanh:* Bố trí phát triển cụm công nghiệp, thương mại - dịch vụ dọc theo đường Nghi Sơn – Sao Vàng và các tuyến đường huyện, đường xã, đảm bảo thuận tiện giao thông, phù hợp với kiến trúc cảnh quan.

**5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.**

**5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

- Không gian ở khu vực trung tâm xã được tổ chức đồng bộ từ chiều cao tầng đến khoảng lùi và kiểu dáng kiến trúc, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan khang trang, thống nhất, hài hòa với các công trình công cộng, dịch vụ của xã.

- Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ, nằm thôn Hợp Nhất, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã.

- Xét khả năng quỹ đất thuận lợi cho xây dựng trung tâm quy mô khoảng 7,5ha, trong phạm vi này bao gồm đầy đủ các công trình như: Công sở xã; Trụ sở Công an xã, ban chỉ huy quân sự, khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao, trạm y tế, bưu điện, đài tưởng niệm và các công trình về giáo dục.

Việc quy hoạch sắp xếp lại khu vực trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối ngoại, cũng như đối nội đồng thời đảm bảo phục vụ cho người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

- Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm đồng bộ, và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng nông thôn và tiêu chí quốc gia.

### **5.2. Định hướng tổ chức và cải tạo khu dân cư**

- Trên cơ sở 10 thôn hiện nay xác định được giữ nguyên vị trí các thôn, cần chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Đề phục vụ nhu cầu về đất ở đáp ứng sự gia tăng dân số cần xây dựng thêm các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp năng suất thấp, đất sen kẹt; trên cơ sở đó xác định các vị trí cụ thể như sau:

+ Quy hoạch khu dân cư nông thôn tại thôn Thịnh Lạc 11,85ha;

+ Quy hoạch khu dân cư tại Đạt Tiến 2 là 5,97ha.

- Tổng diện tích đất dân cư mới là 17,82ha.

### **5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp**

#### **a) Khu trung tâm thương mại, dịch vụ, công nghiệp**

- Khu sản xuất kinh doanh thương mại: Bố trí thành các khu tập trung dọc theo tuyến đường Nghi Sơn – Sao Vàng.

+ Khu thương mại dịch vụ tại thôn Châu Sơn diện tích 10,44 ha

+ Khu thương mại dịch vụ thôn Đạt Tiến 2 diện tích 5,98 ha

+ Chuyển mục đích sử dụng đất UBND xã Tế tân cử sang đất thương mại dịch vụ thôn Đạt Tiến 2 diện tích 0,74ha

+ Nâng cấp chợ hiện trạng tại khu trung tâm xã

+ Quy hoạch điểm thương mại dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp thôn (thu mua, chế biến nông nghiệp, thủy sản và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp) tại thôn Tế Độ diện tích 3,15ha

- Bố trí quy hoạch cụm công nghiệp thôn Đạt Tiến 1, dọc theo tuyến đường Nghi Sơn – Sao Vàng quy mô diện tích khoảng 40 ha nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá.

- Tập trung phát triển các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang các hoạt động kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống, tạo điều kiện phát triển kinh tế, tăng thu nhập, ổn định đời sống nhân dân.

#### **b) Khu vực sản xuất nông nghiệp**

- Tiếp tục đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, sản xuất quy mô lớn, an toàn, ứng dụng hiện đại hóa trong nông nghiệp để tạo ra hàng hóa có giá trị phục vụ thị trường trong và ngoài huyện. Đến năm 2030 hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn, tập trung bao gồm:

- Trồng trọt

+ Vùng trồng lúa: Đến năm 2030, diện tích đất gieo trồng lúa khoảng 500ha; đưa các loại giống lúa có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất của từng xứ đồng, từng chân đất, từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người dân. Trong đó xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao diện tích 50 ha (theo tiêu chí VietGap)

+ Ổn định diện tích vùng trồng cói 100 ha, tại thôn Tế Độ và khu vực ven sông Hoàng nhằm cung cấp nguyên liệu cho nghề dệt chiếu truyền thống.

- Chăn nuôi

+ Quy mô sản xuất: Đến năm 2030, gia tăng cả về số lượng tổng đàn gia súc, gia cầm và chất lượng sản phẩm, đặc biệt chú trọng các giống vật nuôi có giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế cao. Tập trung phát triển cả đàn lợn lai hướng nạc, lợn nái và đàn gia cầm theo hướng sản xuất thịt, trùng với hình thức trang trại, gia trại tổng hợp.

+ Quy hoạch vùng trang trại tổng hợp tập trung diện tích 16,9 ha, tập trung thôn Thịnh Lạc 7,94 ha, thôn Đông Hưng 6,6 ha, thôn Đạt Tiến 1 là 2,43 ha.

- Nuôi trồng thủy sản: Tập trung đầu tư cải tạo nạo vét lòng ao, xây dựng bờ kè kiên cố, cống cấp nước và thoát nước, hình thành các khu nuôi thủy sản quy mô tập trung, hài hòa với thiên nhiên, khuyến khích phát triển nuôi thủy sản có năng suất và giá trị kinh tế cao, nhằm đa dạng nông sản trên thị trường.

#### 5.4. Định hướng quy hoạch bảo tồn cảnh quan kiến trúc truyền thống

- Bảo tồn, tôn tạo các công trình di tích lịch sử hiện có: quy hoạch chỉnh trang lại khuôn viên, sửa chữa nâng cấp các hạng mục xuống cấp, bảo dưỡng và thường xuyên tôn tạo các công trình, di tích;

Khu vực bảo tồn bao gồm các di tích, chùa, đình đã được công nhận cấp quốc gia và cấp tỉnh như mở rộng chùa Bảo Quốc (di tích cấp Quốc gia), đền Tam Giang (di tích cấp tỉnh).

#### e) Định hướng phát triển các công trình công cộng, dịch vụ:

TT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030					
		Vị trí	DT đất (m <sup>2</sup> )	Định hướng quy hoạch	Vị trí	DT quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
<b>I</b>	<b>Công trình công cộng, dịch vụ</b>								
1	Trụ sở UBND xã, công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã, nhà văn hoá xã	Hợp Nhất	2.964	Mở rộng	Thôn Hợp Nhất	7.564	2-3	≤50	≥20
2	Tượng đài liệt sỹ	Hợp Nhất	460	Quy hoạch mới	Sân bóng xã	600	1	≤30	≥40
3	Sân thể thao xã	Hợp Nhất	5.366	Quy hoạch mới	Hợp Nhất	13.000	1-2	≤10	≥20
4	Khuôn viên cây xanh			Quy hoạch mới	Hợp Nhất	3.800			
5	Bru điện văn hoá xã	Hợp Nhất	186	Giữ nguyên vị	Hợp Nhất	186	1-2	≤70	≥10

TT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030					
		Vị trí	DT đất (m <sup>2</sup> )	Định hướng quy hoạch	Vị trí	DT quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
				trí					
6	Trạm y tế xã	Hợp Nhất	1.978	Giữ nguyên vị trí	Hợp Nhất	1.978	2-3	≤40	≥30
7	Trạm y tế xã	Đạt Tiến 2	1.350	Giữ nguyên vị trí	Đạt Tiến 2	1.350	2-3	≤40	≥30
8	Trường tiểu học	Hợp Nhất	5.492	Mở rộng	Hợp Nhất	10.483	2-3	≤40	≥30
9	Trường THCS	Đạt Tiến 2	6.000	Mở rộng	Đạt Tiến 2	11.240	2-3	≤40	≥30
10	Trường mầm non	Hợp Nhất	3.294	Giữ nguyên vị trí	Hợp Nhất	3.294	2-3	≤40	≥30
11	Trường mầm non	Đạt Tiến 2	3.725	Giữ nguyên vị trí	Đạt Tiến 2	3.725	2-3	≤40	≥30
12	Chợ nông thôn	Hợp Nhất	2.178	Giữ nguyên vị trí	Hợp Nhất	2.178	1-2	≤50	≥30
<b>II Các công trình văn hóa, thể thao thôn</b>									
1	Nhà văn hóa	Té Độ	575	Quy hoạch mới	Té Độ	3.600	1-2	≤20	≥40
	Sân thể thao		7.260	Giữ nguyên vị trí		7.260			
2	Nhà văn hóa	Hợp Nhất	804	Mở rộng	Hợp Nhất	2.800	1-2	≤20	≥40
3	Nhà văn hóa	Châu Sơn	1511	Mở rộng	Châu Sơn	2.000	1-2	≤30	≥40
4	Nhà văn hóa, sân thể thao Thịnh Lạc	Thịnh Lạc	4.919	Giữ nguyên vị trí	Thịnh Lạc	4.919	1-2	≤20	≥40
5	Nhà văn hóa	Đạt Tiến 1	940		Đạt Tiến 1	940	1-2	≤40	≥40
6	Nhà văn hóa	Đạt Tiến 2	1180		Đạt Tiến 2	1180	1-2	≤30	≥40
	Sân thể thao		8.861	8.861					
7	Nhà văn hóa	Đông Hưng	580	Mở rộng	Đông Hưng	2.380	1-2	≤20	≥40
	Sân thể thao		9.293	Giữ nguyên vị trí		9.293			
8	Nhà văn hóa	Yên Nông	843	Quy hoạch mới	Yên Nông	1400	1-2	≤30	≥40
	Sân thể thao					2500			
9	Nhà văn hóa	Nhân Nhượng	688	Giữ nguyên vị trí	Nhân Nhượng	688	1-2	≤60	≥20
	Sân thể thao			Quy hoạch mới		2500			
10	Nhà văn hóa	Đại Đức	1450	Giữ nguyên vị trí	Đại Đức	1450	1-2	≤30	≥40
	Sân thể thao		13.362			13.362			

## 6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

### 6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

- Đường trục chính nội đồng: Hiện trạng chiều dài 25km đã được cứng hóa, bê tông hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện 16,54km, đến năm 2030 cứng hóa, bê tông 8,46 km, các đoạn đường còn lại nâng cấp tu sửa. Quy mô đường như sau: Lòng đường: 3,5-4,5 m; nền đường: 5,5-7,5m tùy từng vị trí cụ thể

- Trong thời gian tới thường xuyên nạo vét kênh mương (kênh tưới và kênh tiêu) và xây dựng bê tông hóa 15,22 km kênh và thường xuyên nạo vét kênh mương 21,7 km.

- Trạm bơm xã có 16 trạm bơm tưới trong đó có 6 trạm bơm điện và 10 trạm bơm dầu, Trong thời gian tới cần nâng cấp, bảo dưỡng các trạm bơm nhằm đảm bảo nhu cầu cung cấp nước được tốt hơn.

- Đường đê kết hợp đường giao thông:

+ Đê sông Hoàng

Xây dựng hệ thống đê hữu sông Hoàng đoạn từ K33+500 đến K35+500

Nâng cấp, tu bổ hệ thống đê hữu sông Hoàng tổng chiều dài 5,3km

+ Đê sông Nhôm: Thường xuyên nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng mặt đê đảm bảo không bị vỡ đê khi lũ lụt và phục vụ nhu cầu đi lại tổng chiều dài 5,9km

## **6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.**

### **6.2.1. Hệ thống giao thông.**

\* Đường Quốc lộ, tỉnh lộ:

+ Đường đường Nghi Sơn – Sao Vàng, chiều dài 4,85 km, là tuyến đường kết nối Cảng hàng không Thọ Xuân với Khu kinh tế Nghi Sơn, tuyến vừa đóng vai trò đường đối ngoại, vừa đóng vai trò đường vành đai xanh số 1, quy mô đường cấp II, 6 làn xe.

+ Đường tỉnh lộ TLM1, chiều dài 1,2 km, Quy mô đường cấp III, Lòng đường  $6 \times 2 = 12$  m, hành lang bảo vệ, bảo trì  $15 \times 2 = 30$ m, lộ giới 42 m.

+ Đường tỉnh lộ 505 (từ núi Chay - cầu Tế Độ - Quảng Xương), chiều dài 5,9 km. Quy mô đường cấp III, Lòng đường  $6 \times 2 = 12$  m, hành lang bảo vệ, bảo trì  $15 \times 2 = 30$ m, lộ giới 42 m.

\* Đường huyện:

+ Đường huyện lộ ĐH NC 01 (Minh Nghĩa - Hoàng Giang, chiều dài 3,95 km. Quy mô đường cấp IV, lòng đường 9 m, hành lang bảo vệ, bảo trì  $10 \times 2 = 20$ m, lộ giới 29 m.

+ Đường huyện lộ ĐH NC 10 (Tế Nông đi Tế Thắng), chiều dài 3,8 km. Quy mô đường cấp IV, Lòng đường 9 m, hành lang bảo vệ, bảo trì  $10 \times 2 = 20$ m, lộ giới 29 m.

\* Đường trục xã, liên xã:

+ Đường trục xã từ đường Nghi Sơn - Sao Vàng (thôn Thịnh Lạc) đi xã Tế Lợi, chiều dài 0,90 km. Quy mô đường cấp V, Lòng đường 7,5 m, hành lang bảo vệ, bảo trì  $10 \times 2 = 20$ m, lộ giới 27,5 m.

\* Đường liên thôn, trục thôn: Tổng chiều dài 12,41 km, quy mô đường như sau: Lòng đường: 4,5-7,5 m; Lề đường (vía hè đoạn qua khu dân cư): 2 x (3,0 – 5,0 m); lộ giới 10,5-17,5m.

\* Đường làng ngõ xóm: Tổng chiều dài đường là 38,13 km, các tuyến đường thôn cơ bản đã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, dự kiến đến năm 2030 nâng cấp mở rộng quy mô đường như sau: Lòng đường: 3,5-4,5 m; nền đường 6,5-7,5m

\* Quy hoạch đường gom:

- Đường gom tại các cụm công nghiệp, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư mới nằm trên các tuyến đường tỉnh lộ, quốc lộ được bố trí ngoài hành lang an toàn đường bộ. Trường hợp các đoạn đường đi qua khu vực đông dân cư, điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không còn quỹ đất có thể bố trí đường gom trong hành lang an toàn đường bộ nhưng phải xin phép các cơ quan có thẩm quyền.

- Quy mô đường gom căn cứ vào từng vị trí quy hoạch, lựa chọn trong giai đoạn đầu với quy mô tối thiểu 2 làn xe, tương đương đường cấp VI theo Tiêu chuẩn 4054-2005; giai đoạn sau có thể nâng cấp lên thành đường cấp V hoặc IV.

\* Hệ thống đường sắt:

- Đối với mạng đường sắt hiện có: Hoàn thành cải tạo, nâng cấp và khai thác có hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, xây dựng hệ thống công trình bảo đảm trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt, các điểm giao cắt khác mức giữa đường bộ và đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt.

- Đối với đường sắt xây dựng mới: Triển khai xây dựng đoạn tuyến đường sắt tốc độ cao qua địa bàn xã.

- Các tuyến đường sắt thực hiện theo quy hoạch chung của ngành đường sắt Việt Nam.

### **6.2.2. Cấp điện**

- Dự kiến quy hoạch 1 trạm biến áp tại khu vực khu dân cư mới tại thôn Châu Sơn công suất 320 KVA và bảo dưỡng, bảo trì các trạm biến áp hiện trạng.

- Lưới điện

Trên địa bàn xã sử dụng hệ thống điện nổi cho toàn khu. Lưới điện phải dùng dây có bọc cách điện đảm bảo an toàn và kinh tế đầu tư.

Cấp điện chiếu sáng khu vực bằng đường dây cáp bọc ABC treo kết hợp trên cột điện sinh hoạt, đảm bảo độ rọi và độ chói theo TCVN.

Các tuyến đường được chiếu sáng bằng dây đèn bố trí một bên dùng đèn cao áp bóng Sodium công suất 150W- 220V, độ chói trung bình đạt 0,8 - 1 Cd/m<sup>2</sup>.

+ Hệ thống đèn chiếu sáng được điều khiển bằng tủ điện chiếu sáng trọn bộ, tủ điều khiển này được lập trình điều khiển đóng cắt hệ thống đèn theo thời gian định trước.

### **6.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động**

- Đến năm 2030 trên địa bàn xã thực hiện việc chuyển đổi các trạm phát sóng thông tin di động loại A2 hiện hữu sang loại A1 theo quy hoạch Quy hoạch



hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (*Phân loại trạm phát sóng loại A1, A2 theo Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương*)

- Xây dựng các tuyến cáp quang, được quy hoạch ngầm theo các tuyến đường giao thông.

- Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- + Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
- + Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
- + Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;
- + Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

#### **6.2.4. Hệ thống cấp nước.**

- Đến năm 2030 nguồn nước dùng trong sinh hoạt được lấy từ nhà máy cấp nước sạch tại xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn

- Hệ thống các đường ống dẫn nước chính được bố trí trên vỉa hè các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ và các đường liên xã để thuận tiện cho việc quản lý

- Các đường ống dẫn nước đến các hộ dân được bố trí trên vỉa hè trên các tuyến được trục thôn, ngõ xóm được kết nối với các ống đường trục chính

Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

Tiết diện đường ống chính: D300

Tiết diện đường ống phân phối: D110-200

Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

#### **6.3. Công trình hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường.**

##### **a. Thoát nước mặt:**

Phần lớn lưu lượng nước được thu gom về hệ thống sông Nhơ, sông Hoằng và các tuyến mương tiêu thoát trên địa bàn xã

Hệ thống thoát nước trong khu dân cư được thiết kế đặt ở hai bên vỉa hè theo tuyến đường quy hoạch, vị trí các hố ga đặt sát mép vỉa hè, khoảng cách các hố ga và giếng thăm là 30m. Các đường cũ được cải tạo mở rộng, nếu có mương tưới tiêu bên cạnh sẽ được di chuyển sang bên cạnh đường mới để giữ nguyên hướng tưới tiêu chính mà không ảnh hưởng tới các công trình khác. Tất cả các thiết bị của hệ thống thoát nước đều làm bằng bê tông cốt thép.

##### **b). Thoát nước thải**

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung. Mương rãnh dẫn nước

thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Nước thải tại các khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh nước được xử lý tại khu xử lý nước thải khu công nghiệp theo quy định rồi mới xả vào hệ thống cống thoát nước chung của xã.

### ***c. Quy hoạch nghĩa trang.***

Hiện có 9,89 ha đất nghĩa trang, nghĩa địa. Trong giai đoạn tới cần chỉnh trang, khoanh vùng riêng khu an táng và cải táng cho phù hợp, mở đường trong khu nghĩa trang, trồng cây xanh xung quang khu nghĩa trang, tập trung hai nghĩa trang chính:

+ Mở rộng tại nghĩa trang nghĩa địa, tại thôn Tế Độ diện tích 0,84 ha.

+ Mở rộng tại nghĩa trang nghĩa địa, tại Đông Hưng diện tích 1,92 ha.

Đối với các nghĩa trang khác tiến tới đóng cửa, không cho an táng, cát táng có kế hoạch trồng cây xanh cách ly xung quang khu nghĩa trang.

## **7. Quy hoạch sử dụng đất**

### ***7.1. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực***

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

STT	Hạng mục	Ký hiệu bản đồ	Mã ký hiệu	Diện tích quy hoạch(ha)	Diện tích thực hiện năm 2021
1	Quy hoạch khu dân cư mới thôn Thịnh Lạc	1	DCM-01, DCM-02	11,85	2021-2030
2	Quy hoạch khu dân cư mới thôn Đạt Tiến 2	2	DCM-03, DCM-04, DCM-05	5,97	2021-2030
3	Cụm công nghiệp Tế Nông	3	SKN - 01	40	2026-2030
4	khu thương mại dịch vụ thu mua, chế biến nông nghiệp, thủy sản và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp	4	DVNN - 01	3,15	2026-2030
5	Khu thương mại dịch vụ thôn Đạt Tiến 2 (giáp đường Nghi Sơn - Sao Vàng)	5	TMDV-01	5,98	2021-2030
6	Khu thương mại dịch vụ (UBND xã Tế Tân cũ)	6	TMDV-02	0,74	2021-2025
7	Khu thương mại dịch vụ thôn Châu Sơn	7	TMDV-03	10,44	2026-2030
8	Quy hoạch sân thể thao khu trung tâm xã	8	DTT - 05	1,31	2021-2025
9	Quy hoạch sân thể thao thôn nhân nhượng	9	DTT - 02	0,25	2021-2025
10	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Yên Nông	10	DVH - 04	0,14	2021-2025
11	Quy hoạch sân thể thao thôn Yên Nông	11	DTT - 08	0,25	2021-2025
12	Mở rộng nhà văn hóa thôn Đông Hưng	12	DVH - 05	0,18	2021-2025
13	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Tế độ	13	DVH - 06	0,36	2021-2025
14	Mở rộng nhà văn hóa thôn Hợp Nhất	14	DVH - 07	0,2	2021-2025

STT	Hạng mục	Ký hiệu bản đồ	Mã ký hiệu	Diện tích quy hoạch(ha)	Diện tích thực hiện năm 2021
15	Mở rộng nhà văn hóa thôn Châu Sơn	15	DVH - 08	0,05	2021-2025
16	Mở rộng khuôn viên trụ sở UBND xã	16	TSC - 01	0,42	2021-2025
17	Quy hoạch đất đai tưởng niệm	17	DVH-10	0,06	2021-2025
18	Quy hoạch khuôn viên cây xanh	18	DKV-01	0,38	2021-2025
19	Mở rộng trường tiểu học	19	DGD-03	0,49	2026-2030
20	Mở rộng trường trung học cơ sở	20	DGD-01	0,55	2026-2030
21	Mở rộng nghĩa địa xã Tế Nông	21	NTD-01	1,92	2021-2030
22	Mở rộng nghĩa địa thôn Tế Độ	22	NTD-02	0,84	2021-2030
23	Quy hoạch trang trại trồng trọt thôn Thịnh Lạc	23	NNK-01	5,54	2021-2030
24	Quy hoạch trang trại trồng trọt thôn Thịnh Lạc	24	NNK-02	2,4	2021-2025
25	Quy hoạch trang trại thủy sản thôn Đông Hưng	25	NNK-05	2,1	2021-2025
26	Quy hoạch trang trại thủy sản thôn Đạt Tiến 1	26	NNK-03	2,43	2021-2025
27	Quy hoạch trang trại trồng trọt thôn Đông Hưng	27	NNK-04	4,5	2021-2025
28	Mở rộng chùa Bảo Quốc	28	TIN-02	0,64	2021-2025
29	Quy hoạch tuyến QL45 (Tế Lợi) đi Tế Nông			2,26	2026-2030
30	Mở rộng đường trục xã, trục thôn			5,15	2021-2030
31	Trạm bơm tưới thôn Thịnh Lạc			0,02	2021-2025
32	Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Hoàng đoạn K33+500 đến K35+500			2,2	2021-2025
33	Quy hoạch mở rộng đê Tế Nông			2,2	2021-2025
34	Chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện trung áp, hạ áp, các TBA; Đa chia đa nối xây dựng mạch vòng lưới điện trung áp, cải tạo nâng cao khả năng truyền tải điện các lộ xuất tuyến sau trạm 110kV			0,04	2021-2025

### 7.2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>Tổng diện tích</b>		<b>1246,02</b>	<b>100,00</b>	<b>1246,02</b>	<b>100,0</b>	<b>1246,02</b>	<b>100,0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>738,83</b>	<b>59,30</b>	<b>716,41</b>	<b>57,50</b>	<b>643,70</b>	<b>51,66</b>
1.1	Đất trồng lúa	592,13	47,52	577,28	46,33	504,57	40,49
1.2	Đất trồng trọt khác	118,32	9,50	110,75	8,89	110,75	8,89
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	23,56	1,89	23,56	1,89	23,56	1,89
1.7	Đất nông nghiệp khác	4,82	0,39	4,82	0,39	4,82	0,39
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>385,25</b>	<b>30,92</b>	<b>407,67</b>	<b>32,72</b>	<b>480,38</b>	<b>38,55</b>
2.1	Đất ở nông thôn	196,33	15,76	204,83	16,44	213,55	17,14
2.3	Đất xây dựng công trình	6,16	0,49	8,33	0,67	8,33	0,67
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,06	0,09	0,74	0,06	0,74	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	1,58	0,13	2,57	0,21	2,57	0,21
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,34	0,03	0,34	0,03	0,34	0,03

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	2,87	0,23	4,37	0,35	4,37	0,35
-	Đất chợ	0,31	0,02	0,31	0,02	0,31	0,02
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	4,88	0,39	6,63	0,53	6,63	0,53
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,36	0,11	2,00	0,16	2,00	0,16
2.5	Đất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp và làng nghề	0,00	0,00	3,89	0,31	60,31	4,84
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	143,36	11,51	144,41	11,59	151,98	12,20
2.8.1	Đất giao thông	132,82	10,66	132,82	10,66	138,68	11,13
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	9,86	0,79	10,91	0,88	12,62	1,01
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,68	0,05	0,68	0,05	0,68	0,05
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	33,16	2,66	37,58	3,02	37,58	3,02
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>121,94</b>	<b>9,79</b>	<b>121,94</b>	<b>9,79</b>	<b>121,94</b>	<b>9,79</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	107,51	8,63	107,51	8,63	107,51	8,63
3.2	Đất chưa sử dụng	14,43	1,16	14,43	1,16	14,43	1,16

## 8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Dự án phát triển vùng thâm canh cói tập trung kết hợp khai thác thủy sản.
- Dự án xây mới khu thể thao và các công trình văn hóa xã.
- Dự án xây mới, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao thôn
- Dự án nâng cấp chợ nông thôn.
- Dự án xây dựng trường và mua sắm trang thiết bị các trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở.
- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống giao thông.
- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống điện.
- Dự án nâng cấp các trạm bơm.
- Dự án nâng cấp và mua sắm trang thiết bị Y tế.
- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống thủy lợi.
- Dự án mở rộng trụ sở và mua sắm trang thiết bị công sở xã.
- Dự án xây dựng trụ sở công an xã và ban chỉ huy quân sự xã.
- Quy hoạch cụm công nghiệp;
- Xây dựng khu thương mại tại thôn Thịnh Lạc và Đạt Tiến 2

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

### 1. Ủy ban nhân dân xã Tế Nông có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tế Nông, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; lưu trữ hồ sơ theo quy định.
- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức,

triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Tế Nông tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Tế Nông và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lợi Đức**